

Số: 23 /2024/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 05 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1316/TTr-STTTT ngày 02/7/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết

nổi, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lai Châu, Đài PT-TH Lai Châu;
- Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- T.T Tin học và Công báo tỉnh, KSTTHC;
- Lưu: VT, VX4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tống Thanh Hải**

## QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin  
và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh Lai Châu**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng truy nhập (mạng truy nhập cấp I, II) là hệ thống gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ đến mạng trục. Mạng truy nhập gồm mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp tỉnh và mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã.

3. Đối tượng sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng bao gồm đối tượng sử dụng dịch vụ của mạng truy nhập cấp I và đối tượng sử dụng dịch vụ của mạng truy nhập cấp II (sau đây gọi là đối tượng sử dụng).

4. Đối tượng sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng ở địa phương là các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục II Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg.

5. Thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập là thiết bị chuyên mạch, thiết bị định tuyến hoặc thiết bị tương đương đầu nối vào điểm kết cuối của Mạng truyền

số liệu chuyên dùng.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Danh mục dịch vụ, ứng dụng**

1. Dịch vụ của Mạng TSLCD tại địa phương:

a) Dịch vụ mạng riêng ảo;

Sở Thông tin và Truyền thông được giao quản lý Mạng TSLCD truy nhập cấp II: tổng hợp nhu cầu, cung cấp thông tin kỹ thuật cho Cục Bưu điện Trung ương theo mẫu 01 của Phụ lục I kèm theo Quyết định này, phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai, bảo đảm kết nối dịch vụ mạng riêng ảo.

Đơn vị sử dụng Mạng TSLCD truy nhập cấp II cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông theo mẫu 02 của Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Dịch vụ hội nghị truyền hình:

Dịch vụ hội nghị truyền hình của Mạng TSLCD tại địa phương là dịch vụ sử dụng kênh truyền Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II và hệ thống điều khiển đa điểm của tỉnh để thiết lập kết nối các phiên họp trực tuyến giữa các điểm cầu.

Bảo đảm kết nối các điểm cầu thuộc đối tượng sử dụng của mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

c) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các ứng dụng trên Mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh:

a) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

b) Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến - Hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

c) Hệ thống Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

d) Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Lai châu

e) Hệ thống Camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

f) Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

g) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã.

h) Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

i) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước...

### **Điều 5. Chất lượng**

1. Dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II phải được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên, được nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

### **Điều 6. Quản lý, vận hành mạng TSLCD truy nhập cấp II**

1. Quản lý:

a) Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị cung cấp dịch vụ vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy trong quản lý Mạng TSLCD truy nhập cấp II phục vụ mạng diện rộng của Đảng trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến Mạng TSLCD truy nhập cấp II, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Lai Châu theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng thiết bị:

a) Sở Thông tin và Truyền thông bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,...), đảm bảo an toàn, an ninh; cử đầu mối hỗ trợ Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho Mạng TSLCD truy nhập cấp I) trong công tác xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm. Thông báo cho Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

b) Đối với thiết bị của mạng truy nhập cấp II đơn vị sử dụng đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ

thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,...), đảm bảo an toàn, an ninh. Đơn vị sử dụng thông báo cho đầu mối hỗ trợ là Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

### 3. Vận hành:

Sở Thông tin và Truyền thông vận hành Mạng TSLCD truy nhập cấp II theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### 4. Xử lý sự cố

a) Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II, tiếp nhận cảnh báo từ Cục Bưu điện Trung ương, đơn vị sử dụng dịch vụ hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh/thành phố.

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thực hiện xử lý sự cố theo quy định, báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng dịch vụ.

## **Điều 7. Kết nối**

1. Mô hình kết nối: theo mô hình 04 tại Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT, cụ thể:

a) Áp dụng cho địa phương triển khai mạng diện rộng kết hợp Mạng truyền số liệu chuyên dùng để kết nối các cơ quan, tổ chức trên địa bàn;

b) Kết nối các cơ quan, tổ chức là đối tượng sử dụng của mạng truy nhập cấp I và mạng truy nhập cấp II theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Địa phương thiết lập phân vùng mạng kết nối các đơn vị không thuộc đối tượng sử dụng với Mạng truyền số liệu chuyên dùng qua trung tâm dữ liệu của mình; sử dụng địa chỉ IP cho phân vùng mạng này không trùng với địa chỉ IP của Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

d) Trung tâm dữ liệu của địa phương là điểm trung chuyển lưu lượng giữa mạng truy nhập cấp I, mạng truy nhập cấp II và phân vùng mạng kết nối các đơn vị không thuộc đối tượng sử dụng;

đ) Kênh truyền phải bảo đảm mức chiếm dụng băng thông của các hướng kết nối < 90%, căn cứ kết quả giám sát lưu lượng tất cả các hướng kết nối từ 00giờ00 đến 24giờ00 hàng ngày trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng liên tiếp, thời gian mỗi mẫu giám sát là 05 (năm) phút;

e) Cục Bưu điện Trung ương phối hợp với địa phương thiết lập các chính sách định tuyến giữa 02 (hai) mạng qua công kết nối và thiết bị định tuyến tại trung tâm dữ liệu;

g) Mô hình kết nối các cơ quan, tổ chức tại địa phương với Mạng truyền số

liệu chuyên dùng thể hiện bằng sơ đồ tại Mô hình 04 của Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.

## 2. Địa chỉ IP:

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu và cung cấp thông tin cho Cục Bưu điện Trung ương theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này;

b) Việc sử dụng địa chỉ IP phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức;

c) Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện rà soát hoạt động sử dụng địa chỉ IP của mạng truy nhập cấp II và gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

## 3. Định tuyến:

Các yêu cầu về tạo mới hoặc thay đổi chính sách định tuyến chỉ được triển khai sau khi thống nhất phương án giữa địa phương, các đơn vị liên quan và Cục Bưu điện Trung ương.

## **Điều 8. Yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng**

1. Hệ thống thông tin kết nối vào mạng truy nhập cấp II phải thực hiện qua cổng kết nối để bảo đảm an toàn thông tin và triển khai các dịch vụ, ứng dụng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Hệ thống thông tin phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 9 và 10 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

3. Hệ thống thông tin phải được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định trước khi kết nối vào truy nhập cấp II.

4. Phân vùng mạng tham gia kết nối vào mạng truy nhập cấp II phải được thiết kế phân tách độc lập và có phương án quản lý truy nhập với các phân vùng mạng khác.

5. Khi hệ thống thông tin kết nối vào mạng truy nhập cấp II bị phát hiện không bảo đảm an toàn thông tin mạng, đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thông tin cần phối hợp thực hiện xử lý theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

## **Điều 9. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập**

1. Đơn vị được giao quản lý tài khoản giám sát phải lưu giữ, bảo mật thông

tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu đảm bảo an toàn thông tin.

2. Thông tin giám sát an toàn thông tin mạng của thiết bị, hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng được chia sẻ về Trung tâm điều hành mạng theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

3. Máy chủ, máy trạm và thiết bị công nghệ thông tin khác kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

4. Yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối quy định tại Phụ lục II.

### **Điều 10. Giá cước dịch vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II**

1. Cước phí sử dụng mạng TSLCD truy nhập cấp II được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD truy nhập cấp II và giá cước đường TSLCD theo quy định.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của địa phương sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Tham mưu đề xuất dung lượng băng thông đường truyền của Mạng truy nhập cấp II phù hợp với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung.

5. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông trong công tác triển khai kết nối và xử lý sự cố đối với mạng truy nhập cấp II.

6. Cung cấp cho Cục Bưu điện Trung ương các đầu mối quản lý, vận hành, sử dụng và xử lý sự cố mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD truy nhập cấp II**



1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy nhập cấp II.

b) Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng quy định tại Thông tư và pháp luật liên quan hiện hành.

d) Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT.

### **Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ**

1. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, chia sẻ thông tin giám sát theo quy định tại Quyết định này và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bảo đảm hạ tầng lắp đặt thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị và hạ tầng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đặt tại cơ quan theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo đúng quy định của pháp luật liên quan.

### **Điều 14. Trách nhiệm của người sử dụng mạng TSLCD truy nhập cấp II**

1. Khi kết nối vào mạng TSLCD truy nhập cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD truy nhập cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng TSLCD truy nhập cấp II.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD truy nhập cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng TSLCD truy nhập cấp II.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng TSLCD truy nhập cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách để duy trì hoạt động mạng TSLCD truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 16. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD truy nhập cấp II có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Phụ lục I****MẪU BẢN KHAI ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP  
MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Mẫu 01**

**(Đơn vị đề nghị) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../....., ngày .... tháng.... năm.....

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP  
MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: Cục Bưu điện Trung ương

1. Thông tin về cơ quan/ tổ chức là chủ thể đăng ký sử dụng IP	Tên cơ quan/tổ chức: ..... Người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax:..... Email: ..... Ghi chú: .....
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm của cơ quan/tổ chức trong việc quản lý IP	Người chịu trách nhiệm quản lý IP: Họ tên: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: ..... Người quản lý kỹ thuật: Họ tên: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: .....
3. Loại hình đăng ký	Đăng ký mới. <input type="checkbox"/> Đăng ký bổ sung <input type="checkbox"/>
4. Hiện trạng sử dụng các vùng IP đã được cấp	Mô hình kết nối ..... Dải IP đã được cấp: ..... Tỷ lệ % IP đã sử dụng: ..... Thông tin bổ sung: .....

<p>5. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP Mạng TSLCD</p>	<p><i>(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP có nhu cầu nghị cấp tại đây)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng địa chỉ   sử dụng nội bộ   thời điểm sử dụng</li> <li>- Vùng địa chỉ   sử dụng cho dịch vụ   thời điểm sử dụng</li> </ul> <p>VD:</p> <p>10.x.x.x/2001:A:B  Hệ thống LGSP/HNTH/Mạng LAN Sở A/   05/10/2023</p> <p>103.x.x.x Hệ thống dịch vụ Website công thông tin  11/12/2022</p>
---	--

Cơ quan/Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng địa chỉ IP Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

**Xác nhận của tổ chức đăng ký**

*(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu/  
ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)*

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP**  
**MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

<b>Stt</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Bảng thông kết nối TSLCD (dự kiến)</b>	<b>Dịch vụ sử dụng trên kết nối</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Cơ quan/ địa phương A			
2	Cơ quan/ địa phương B			
3	.....			

**Mẫu 02****(Đơn vị đề nghị) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày .... tháng.... năm.....

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP  
MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thông tin về cơ quan/ tổ chức là chủ thể đăng ký sử dụng IP	Tên cơ quan/tổ chức: ..... Người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại/fax:..... Email: ..... Ghi chú: .....
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm của cơ quan/tổ chức trong việc quản lý IP	Người chịu trách nhiệm quản lý IP: Họ tên: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: ..... Người quản lý kỹ thuật: Họ tên: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại/fax: ..... Email: .....
3. Loại hình đăng ký	Đăng ký mới. <input type="checkbox"/> Đăng ký bổ sung <input type="checkbox"/>
4. Hiện trạng sử dụng các vùng IP đã được cấp	Mô hình kết nối ..... Dải IP đã được cấp: ..... Tỷ lệ % IP đã sử dụng: ..... Thông tin bổ sung: .....

<p>5. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP Mạng TSLCD</p>	<p><i>(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP có nhu cầu nghị cấp tại đây)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng địa chỉ   sử dụng nội bộ   thời điểm sử dụng</li> <li>- Vùng địa chỉ   sử dụng cho dịch vụ   thời điểm sử dụng</li> </ul> <p>VD:</p> <p>10.x.x.x/2001:A:B  Hệ thống LGSP/HNTH/Mạng LAN Sở A/   05/10/2023</p> <p>103.x.x.x Hệ thống dịch vụ Website công thông tin  11/12/2022</p>
---	--

Cơ quan/Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng địa chỉ IP Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

**Xác nhận của tổ chức đăng ký**

*(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu/  
ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)*

**Phụ lục****DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP  
MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

<b>Stt</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Bảng thông kết nối TSLCD (dự kiến)</b>	<b>Dịch vụ sử dụng trên kết nối</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Cơ quan/ địa phương A			
2	Cơ quan/ địa phương B			
3	.....			



**Phụ lục II**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU VỀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI**  
**MẠNG TRUY NHẬP CẤP II**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

1. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II:
  - a) Số lượng cổng kết nối: 02 cổng LAN và 01 cổng WAN;
  - b) Hỗ trợ giao thức quản lý, giám sát mạng SNMP, Logs hoặc Syslog và tính năng tương đương;
  - c) Hỗ trợ giao thức IPv6;
  - d) Hỗ trợ phương thức quản trị cấu hình có xác thực và mã hoá.
2. Yêu cầu lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập và hạ tầng kỹ thuật phụ trợ
  - a) Các thiết bị đầu cuối mạng truy nhập phải được bố trí lắp đặt ở vị trí có điều kiện môi trường đảm bảo về nhiệt độ, nguồn điện, an toàn.
    - Nhiệt độ:
      - + Đối với thiết bị đặt tại phòng máy: nhiệt độ yêu cầu từ 20<sup>0</sup>C đến 25<sup>0</sup>C; độ ẩm từ 40% đến 55%;
      - + Đối với thiết bị đặt tại phòng làm việc: nhiệt độ yêu cầu từ 20<sup>0</sup>C đến 32<sup>0</sup>C; độ ẩm từ 40% đến 80% .
    - Nguồn điện: một nguồn điện đảm bảo, có thiết bị lưu điện (UPS).
  - b) Đối tượng sử dụng có trách nhiệm bảo đảm duy trì hoạt động của thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập, kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.